

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 60/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 18-7-2018

V/v ly hôn giữa anh Đ và chị K

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thanh Cường;
2. Ông Nguyễn Duy Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lự, Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện K sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai, K sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2018/QĐXX-ST ngày 04 tháng 6 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Anh Phạm Minh Đ, sinh năm 1992 “có mặt”

Địa chỉ: Thôn H, xã S, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1993 “ vắng mặt”

Nơi ĐKKHKT: Thôn H, xã S, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở: Thôn C, xã H, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/9/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Phạm Minh Đ trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị K đăng ký kết hôn năm 2012 tại UBND xã H, huyện N, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện. Sau khi cưới chị K về chung sống cùng gia đình anh ngay. Thời gian đầu vợ chồng hòa thuận hạnh phúc. Đến tháng 5/2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do sau khi sinh con chị K tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã H sinh sống, sau đó đi làm công ty ở Hải Dương chỉ khi được nghỉ lễ, nghỉ tết mới về nhưng cũng không về nhà anh thăm con mà

về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Vợ chồng anh đã sống ly thân, cắt đứt quan hệ tình cảm và kinh tế từ đó cho đến nay. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị K.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có chị 01 con chung là Phạm Gia Huy, sinh năm 2013. Cháu khỏe mạnh phát triển bình thường và hiện đang ở với anh. Ly hôn anh đề nghị được nuôi con và không yêu cầu chị K cấp dưỡng.

Về tài sản, công nợ: Vợ chồng anh không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn, chị Nguyễn Thị K có hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã S, huyện N, tỉnh Bắc Giang đã được Tòa án giao, tổng đạt các văn bản tố tụng thông qua ông Nguyễn Văn Hương, là bố đẻ chị K theo đúng quy định của pháp luật nhưng chị K không có ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tại phiên tòa, chị K vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện K sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự, anh Đ chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chị K đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, các Điều 147, 227, 228, 271, 272 và 273 BLTTDS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Phạm Minh Đ và chị Nguyễn Thị K.

Về nuôi con chung: Giao cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Gia Huy, sinh năm 2013. Cấp dưỡng nuôi con đương sự không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản, công nợ các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Ngoài ra còn đề xuất về án phí và quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]*Về tố tụng*: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. chị K vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của BLTTDS xét xử vắng mặt chị K.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Phạm Văn Đ và chị Nguyễn Thị K đăng ký kết hôn năm 2012 tại UBND xã H, huyện N, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, nên hôn nhân giữa anh Đ và chị K là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên tháng 5/2013 chị K đã bỏ về nhà bố mẹ sinh sống và vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, cắt đứt quan hệ tình cảm và kinh tế. Nay anh Đ xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên anh khởi kiện xin ly hôn chị K. Quá trình giải quyết vụ án chị K không có ý kiến gì. Điều đó chứng tỏ cuộc sống vợ chồng giữa anh Đ và chị K đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho anh Đ được ly hôn chị K.

[3]*Về nuôi con chung*: Quá trình chung sống giữa anh Đ và chị K có 01 con chung là Phạm Gia Huy, sinh năm 2013. Cháu khỏe mạnh phát triển bình thường và hiện đang ở với anh Đ. Anh Đ có đủ điều kiện để nuôi con và để đảm bảo ổn định cuộc sống cho cháu cần căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Giao cho anh Đ tiếp tục nuôi con là phù hợp. Anh Đ không đề nghị chị K cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Anh Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 83 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 227, 228 khoản 4 Điều 147, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho ly hôn giữa anh Phạm Minh Đ và chị Nguyễn Thị K.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Phạm Gia Huy, sinh năm 2013 cho anh Phạm Minh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Chị K có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở quyền này.

3. Về án phí: Anh Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2017/0003082 ngày 30/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã S, huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Thu Thủy